

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **578/2022/HNGĐ-ST**
Ngày : 12/12/2022
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn;
2. Bà Trương Thị Thu Thủy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thùy Dương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 451/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 440/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 330/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/11/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Lệ H**, sinh năm 1996, địa chỉ: Số nhà 294, tổ 12, ấp Hưng Thạnh, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang (Có mặt).
2. *Bị đơn:* Anh **Khuru Quang T**, sinh năm 1996, địa chỉ: Số nhà 216, khóm Thạnh Lợi, thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Lệ H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Khuru Quang T tự nguyện quen nhau rồi tiến tới kết hôn vào năm 2018, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã VTT (nay là thị trấn VTT), huyện CP, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số vào sổ 132/2018, đăng ký ngày 27/7/2018. Thời gian đầu sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau khi kết hôn vài tháng, anh T đi làm thuê xa, vợ chồng thường liên lạc qua điện thoại, lâu lâu anh T có về thăm gia đình. Đến năm 2020, vợ chồng bắt đầu phát

sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã với nhau, nguyên nhân xuất phát từ vấn đề tiền bạc, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, anh T không quan tâm, chăm lo cho vợ con. Đã nhiều lần chị có nói với anh T về việc trở về quê làm và sinh sống cùng vợ con nhưng anh T không đồng ý, từ đó vợ chồng dần nhạt phai tình cảm, sống ly thân với nhau lâu dần, không còn hợp nhau, giữa chị và anh T mâu thuẫn ngày càng lớn, không có tiếng nói chung. Hiện ai cũng có cuộc sống riêng, chị muốn chấm dứt mối quan hệ hôn nhân này để không ai ràng buộc lẫn nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Khuru Quang T.

Khi nộp đơn ly hôn, chị có điện thoại liên hệ với anh T để thông báo về việc ly hôn nhưng anh T nói là tùy chị đơn phương ly hôn và tùy Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh T có một người con chung tên Khuru Quang K, sinh ngày 22/11/2019, hiện cháu K đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Khuru Quang T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tòa án tiến hành xác minh, được biết anh Khuru Quang T có đăng ký thường trú tại khóm Thanh Lợi, thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh An Giang nhưng hiện nay anh T đi làm ăn xa, ít có mặt ở nhà, thỉnh thoảng có về thăm gia đình. Về tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H có mâu thuẫn hay không hay mâu thuẫn như thế nào thì ban áp không rõ.

Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh T, đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

*** *Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn chị H trình bày: Vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh T, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh T vắng mặt, không có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (gọi tắt là Bộ luật Tố tụng Dân sự). Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng

theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến về vụ án, không có đơn xin vắng mặt là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn với anh T, giao con chung là cháu K cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: do chị H không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: do chị H không yêu cầu, đề nghị không xem xét. Về án phí sơ thẩm: Đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Chị Trần Thị Lệ H khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung đối với bị đơn anh Khuru Quang T nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”. Bị đơn anh T có địa chỉ cư trú tại thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện CP có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Trần Thị Lệ H và anh Khuru Quang T tự nguyện kết hôn và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VTT (nay là thị trấn VTT), huyện CP, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số vào sổ 132/2018, đăng ký ngày 27/7/2018 nên xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Căn cứ vào Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau. Tuy nhiên, theo chị H trình bày, thời gian sau khi kết hôn, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T đã tự bỏ đi làm xa, không thường xuyên chung sống với chị H, không quan tâm, chăm lo cho gia đình, từ đó vợ chồng không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hay cự cãi với nhau, nguyên nhân chủ yếu về tiền bạc, chi tiêu sinh hoạt gia đình, tình cảm dần nhạt phai, nhiều lần chị H khuyên anh T trở về quê chung sống cùng mình nhưng anh T không đồng ý. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị H yêu cầu ly hôn với anh T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T, đồng thời tiến hành mở phiên hòa giải, phiên tòa để tạo điều kiện cho chị H và anh T có cơ hội được hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với nhau nhưng anh T vẫn vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến về vụ án, không có đơn xin vắng mặt. Cho thấy anh T đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với chị H.

Chị H và anh T đã không chung sống với nhau một thời gian dài, anh T không quan tâm đến vợ con, ngay cả khi chị H thông báo về việc ly hôn, anh T cũng cho rằng tùy chị H đơn phương ly hôn và tùy pháp luật giải quyết. Tại phiên tòa, mặc dù đã được Hội đồng xét xử động viên đoàn tụ và đề cho anh T thêm cơ hội hàn gắn nhưng chị H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, điều này cho thấy cả chị H và anh T đều không tha thiết hàn gắn, duy trì mối quan hệ hôn nhân này.

Từ những phân tích trên, xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 19, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP.

[2.2] Về con chung:

Xét thấy, chị H và anh T có một con chung tên Khuru Quang K, sinh ngày 22/11/2019, hiện cháu K đang sống ổn định với chị H, anh T không có ý kiến về con chung. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của con chung và để cháu K có cuộc sống ổn định, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu K cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung: Căn cứ vào Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H không yêu cầu giải quyết, anh T không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Lệ H.

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Lệ H được ly hôn với anh Khuru Quang T.

Giấy chứng nhận kết hôn số vào sổ 132/2018, đăng ký ngày 27/7/2018 do Ủy ban nhân dân xã VTT (nay là thị trấn VTT), huyện CP, tỉnh An Giang cấp cho chị Trần Thị Lệ H và anh Khuru Quang T không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Chị Trần Thị Lệ H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Khuru Quang K, sinh ngày 22/11/2019, hiện cháu K đang sống với chị H. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung: Anh Khuru Quang T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

Người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Lệ H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số: 0004811 ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP nên chị H không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Lệ H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Khưu Quang T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND tỉnh AG;
- Viện kiểm sát ND H. CP;
- Chi cục THA DS H. CP;
- UBND thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh An Giang;
- Dương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Dương Thùy Dung